TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 20-5-2019.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Trần Trung Dũng.

2- Bà: Vũ Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Chung - KSV.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm 1970. Có mặt

Nguyên quán: Thôn Đ - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

HKTT: Thôn T - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn V - Sinh năm 1972. Vắng mặt

HKTT: Thôn T - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang tập trung cải tạo tại: Đội 28 - Phân Trại 1- Trại giam số 5 - thị trấn T - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Trần Văn T - Sinh ngày 29/9/2001. Vắng mặt

HKTT: Thôn T - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu T: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn V.

- Người làm chứng: Bà Đào Thị T - Sinh năm 1955. Vắng mặt

HKTT: Thôn T - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Trần Văn V, sinh năm 1972 trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/7/1999. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương bà về ngay gia đình ông V làm ăn

chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó ông V thường xuyên chơi bời cờ bạc không chịu tu trí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Ngoài ra ông V còn mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy. Tuy nhiên nghĩ đến hạnh phúc gia đình và con chung bản thân bà và hai bên gia đình đã động viên khuyên giải ông V nhiều lần từ bỏ ma túy để vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con chung nhưng ông V không thay đổi. Đến ngày 29/9/2017 thì ông V bị Công an tỉnh Hưng Yên bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay ông V đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 28 - Phân Trại 1- Trại giam số 5 - thị trấn T - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình ông V đi chấp hành án bản thân bà có đến thăm nom ông V nhưng do thời gian vợ chồng đã sống ly thân và xa cách nhau quá lâu làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Bà kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để bà sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Hiện nay cháu T đang ở cùng với bà. Quan điểm của bà nếu vợ chồng ly hôn cháu Á đã thành niên bà không đề nghị Toà án giải quyết, còn cháu T bà xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà tự nguyện không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Bà và ông V sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án do ông V hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù tại Đội 28 - Phân Trại 1- Trại giam số 5 - thị trấn T - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án không tiến hành triệu tập ông V và bà P có mặt tại Tòa án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được. Ngày 21/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Kim Động phối kết hợp với Trại giam số 5, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và tiến hành triệu tập ông V, bà P để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác giữa ông V và bà P tại Trại giam số 5, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Theo lời khai của bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Ông xác định lời khai của bà P về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như bà P khai là đúng. Nay bà P có đơn xin ly hôn ông và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết, ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà P vẫn còn, chỉ là do ông phải đi chấp hành án nên vợ chồng sống xa nhau, ông không

nhất trí ly hôn với bà P, ông mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, sau này ông chấp hành án xong ông sẽ giải quyết với bà P.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Quan điểm của ông hiện nay ông chưa ly hôn với bà P, sau này ông chấp hành án xong ông về sẽ giải quyết.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ông và bà P sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, ông nhất trí tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải yêu cầu ông V đọc lại nội dung các văn bản tố tụng và ký nhận vào các biên bản thì ông V có đọc lại nội dung các văn bản tố tụng, nhưng ông V từ chối không ký vào các văn bản tố tụng mặc dù đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ của ông V theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Văn T trình bày:***

Việc mẹ cháu có đơn xin ly hôn với bố cháu đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cháu có biết. Nguyên nhân mâu thuẫn của bố, mẹ cháu dẫn đến việc đề nghị Toà án giải quyết là do bố cháu thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và còn mắc vào nghiện ma túy nên hay đánh mẹ cháu. Nguyện vọng của cháu là mong muốn Toà án hoà giải cho bố mẹ cháu được về chung sống đoàn tụ để tập trung nuôi dạy cháu được trưởng thành. Trong trường hợp mẹ cháu kiên quyết xin ly hôn với bố cháu và bố mẹ cháu phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở cùng với mẹ cháu.

* Ngày 12 tháng 3 năm 2019 Toà án tiến hành lấy lời khai của bà Đào Thị T là mẹ đẻ của ông V và là mẹ chồng của bà P để xác minh về quan hệ vợ chồng được bà T cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn như bà P khai là đúng. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau do ông V chơi bời không chịu làm ăn, không nghe lời khuyên của gia đình nên đến ngày 29/9/2017 thì ông V bị Công an tỉnh Hưng Yên bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 28 - Phân Trại 1- Trại giam số 5 - thị trấn T - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa. Nay bà P có đơn xin ly hôn ông V và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết. Quan điểm của bà cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông V không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông V theo nguyện vọng của bà P.

- Về con chung: Bà xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Hiện nay cháu T đang ở cùng với bà P. Quan điểm của bà nếu vợ chồng ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T.

- Về tài sản chung; Công nợ; Bà không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà P.

- Về công sức: Bà xác định bà P không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình bà.

- Về ruộng canh tác: Giữa bà P và ông V không có gì liên quan với nhau.

* Ngày 13/3/2019 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của ông, bà được địa phương cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà P là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương vào ngày 03/7/1999. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương bà Phương về ngay gia đình ông V làm ăn chung sống. Theo địa phương được biết thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2001thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông V thường xuyên chơi bời cờ bạc không chịu tu trí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Ngoài ra ông V còn mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy, đến ngày 29/9/2017 thì ông V bị Công an tỉnh Hưng Yên bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay ông V đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 28 - Phân Trại 1- Trại giam số 5 - thị trấn T - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa. Nay bà P có đơn xin ly hôn ông V và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về ruộng canh tác: Giữa ông V và bà P không có gì liên quan với nhau.

Ngày 06/5/2019 Toà án nhân dân huyện Kim Động đã mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án ly hôn giữa bà P và ông V. Ngày 03/5/2019 bà P có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do công việc gia đình, còn ông V không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên toà và tiếp tục mở phiên toà xét xử vào ngày 20/5/2019.

Tại phiên toà hôm nay: Bà P giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để bà sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Hiện nay cháu T đang ở cùng với bà. Quan điểm của bà nếu vợ chồng ly hôn cháu Á đã thành niên bà không đề nghị Toà án giải quyết, còn cháu T bà xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà tự nguyện không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Bà tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết. Do ông V hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, nhưng không có đơn đề nghị Tòa án

xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử hoàn toàn hợp pháp, việc điều hành của hội đồng xét xử tại phiên tòa tuân thủ pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tuân thủ các quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Văn V.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 cho bà P được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung bà P không được ngăn cản.

Sau này ông V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

**Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn V là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/7/1999. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông V là do vợ chồng không hợp nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó ông V thường xuyên chơi bời cờ bạc không chịu tu chí làm ăn và mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc mặc dù bà P và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông V không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo

dài đã từ nhiều năm nay, đến tháng 9 năm 2017 thì ông V bị Công an tỉnh Hưng Yên bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay ông V đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam số 5, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để bà sớm được ổn định cuộc sống. Ông V cũng xác định tình cảm vợ chồng đã dạn nứt nhưng ông vẫn mong muốn bà P suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng ông không đưa ra phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung được trưởng thành. Tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để bà sớm được ổn định cuộc sống nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho ông, bà được.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai ông, bà đã phát sinh và kéo dài, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên và khuyên giải nhưng tình cảm giữa hai ông bà không được cải thiện. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông V đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần giải quyết cho ông, bà được ly hôn để ông, bà có điều kiện ổn định cuộc sống.

**Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng Á, sinh ngày 10/02/2000 (hiện nay cháu Á đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001. Hiện nay cháu T đang ở cùng với bà P và do bà P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay. Quan điểm của bà P nếu vợ chồng ly hôn bà xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà. Ông V có quan điểm do hiện nay ông đang phải đi chấp hành án phạt tù, sau này ông chấp hành án xong ông về sẽ giải quyết. Quan điểm của bà P cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng cháu T nếu bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở cùng với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần giao cháu T cho bà P tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà. Ông V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, bà P không được ngăn cản.

Sau này ông V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

**Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác:* Cả hai ông, bà đều tự nguyện không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần được ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

**Án phí:* Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Trần Văn V.

* Con chung: Giao cho bà P được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà, ông V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung bà P không được ngăn cản.

Sau này ông V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001531 ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

Nguyễn Tiến Lũng